

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quy

2. Ông Dương Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 2 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Trương Ngọc L, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Ấp 8, xã Gia Canh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Quốc T, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Ấp 9, xã Gia Canh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L và anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20/01/2020, bản khai, biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn chị Lê Trương Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/02/2018. Vợ chồng chung sống đến tháng 5/2019 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Gia đình hai bên có hòa giải nhưng không được. Vì không thể tiếp tục chung sống nên chị đã về nhà mẹ ruột ở ấp 8, xã Gia Canh sống ly thân với anh T cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị và anh T tự lo cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh T, không thể đoàn tụ chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Chị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Theo bản trình bày ý kiến ngày 08/6/2020 bị đơn anh Đỗ Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/02/2018. Vợ chồng chung sống đến tháng 5/2019 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh và chị L đã tự sống ly thân để có thời gian nhìn nhận lại hôn nhân nhưng cho đến nay thì vẫn không thể hàn gắn được. Anh nhận thấy đến hiện tại thì vợ chồng anh không còn tình cảm, mỗi người tự lo cuộc sống của mình và không quan tâm đến nhau nên khả năng đoàn tụ là không có. Vì vậy, anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L không có con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt do anh đi làm ăn xa nên không có điều kiện về tham gia tố tụng tại Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Cuộc sống vợ chồng chị L và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, khả năng đoàn tụ không có, cả hai đều đồng ý ly hôn nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Đỗ Quốc T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Trương Ngọc L phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, L phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Lê Trương Ngọc L và bị đơn anh Đỗ Quốc T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Đỗ Quốc T cư trú tại ấp 9, xã Gia Canh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Trương Ngọc L khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về luật áp dụng: Chị Lê Trương Ngọc L và anh Đỗ Quốc T đăng ký kết hôn năm 2018 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[5] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Lê Trương Ngọc L là nguyên đơn, anh Đỗ Quốc T là bị đơn.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Trương Ngọc L và anh Đỗ Quốc T tự nguyện kết hôn, hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Canh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/02/2018 nên được công nhận hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L: Chị L xin ly hôn với lý do vợ chồng mâu thuẫn trong quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân trên 01 năm và hiện nay chị không còn tình cảm với anh Đỗ Quốc T. Anh T cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn trong quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân trên 01 năm và hiện nay anh không còn tình cảm với chị L. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L. Xét thấy, Điều của 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp khác...”. Tuy nhiên, chị L và anh Linh không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng, nên có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng chị L và anh T thật sự mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ vì anh T cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, chị L xin ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

Về con chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Xét quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Lê Trương Ngọc L phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, L phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Trương Ngọc L. Chị Lê Trương Ngọc L được ly hôn với anh Đỗ Quốc T.

2. Về con chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Lê Trương Ngọc L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0002853 ngày 10/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thành tiền án phí. Chị L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Trương Ngọc L và anh Đỗ Quốc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Gia Canh;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thanh Hà

